

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
THÀNH PHỐ LONG XUYỀN
TỈNH AN GIANG**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 118/2018/HS-ST
Ngày 31 / 10 / 2018

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ LONG XUYỀN, TỈNH AN GIANG

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Thái Chí Bình.

Các Hội thẩm nhân dân:

Bà Phan Hoàng Mai;

Ông Trần Hùng Bích.

- Thư ký phiên tòa: Ông Đặng Thành Thái.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Long Xuyên, tỉnh An Giang tham gia phiên tòa: Bà Phạm Huỳnh Ngọc Thi - Kiểm sát viên.

Ngày 31 tháng 10 năm 2018 tại trụ sở Tòa án nhân dân thành phố Long Xuyên xét xử sơ thẩm công khai vụ án hình sự sơ thẩm thụ lý số: 102/2018/TLST-HS ngày 10 tháng 9 năm 2018 theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 105/2018/QĐXXST-HS ngày 02 tháng 10 năm 2018 đối với bị cáo:

Lê Văn Phước H (E), sinh năm 1989, tại thành phố L, tỉnh An Giang; nơi đăng ký hộ khẩu thường trú: số A, tổ A, khóm T, phường M, thành phố L, tỉnh An Giang; nghề nghiệp: công nhân; trình độ văn hoá (học vấn): 3/12; dân tộc: kinh; giới tính: nam; tôn giáo: Phật giáo Hòa Hảo; quốc tịch: Việt Nam; con ông Lê Văn N (đã chết) và bà Nguyễn Thị H; có vợ là Phạm Thị L và 02 con sinh năm 2010, 2016;

Tiền án, tiền sự: chưa;

Bị tạm giữ từ ngày 24/6/2018 đến ngày 27/6/2018 chuyển tạm giam cho đến nay; có mặt.

- Bị hại:

+ Ông Võ Quang T, sinh năm 1998; địa chỉ: phòng A, nhà trọ D, số B, khóm M, phường M, thành phố L, tỉnh An Giang; vắng mặt.

+ Ông Trần T, sinh năm 1991; địa chỉ: phòng A, nhà trọ D, số B, khóm M, phường M, thành phố L, tỉnh An Giang; vắng mặt.

- *Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan đến vụ án:*

+ Ông Phạm Văn C, sinh năm 1969; địa chỉ: số C, khóm T, phường M, thành phố L, tỉnh An Giang; có mặt.

+ Công ty trách nhiệm hữu hạn D; trụ sở: số D, đường L, phường H, quận T, thành phố Hồ Chí Minh.

Người đại diện hợp pháp của Công ty trách nhiệm hữu hạn D: Bà Diệp Tiểu L, sinh năm 1969; địa chỉ: số D, đường L, phường H, quận T, thành phố Hồ Chí Minh; người đại diện theo pháp luật; vắng mặt.

+ Bà Nguyễn Thị Ngọc T, sinh năm 1980; địa chỉ: số E, đường B, phường B, quận T, thành phố Hồ Chí Minh; vắng mặt.

+ Bà Võ Thị D, sinh năm 1974; địa chỉ: phòng A, nhà trọ D, số A, khóm M, phường M, thành phố L, tỉnh An Giang; vắng mặt.

+ Bà Phạm Thị L, sinh năm 1990; địa chỉ: số G, tổ B, khóm T, phường M, thành phố L, tỉnh An Giang; có mặt.

- *Người làm chứng:* Bà Trần Thị Diễm T; vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Võ Quang T1, Trần T2 và Lê Văn Phước H cùng tạm trú tại nhà trọ D, khóm M, phường M, thành phố L. T1 và T2 ở phòng số 03, còn H ở phòng số 05. Khoảng 08 giờ ngày 23/6/2018, H nhìn qua cửa sổ phòng số 03 thấy trong phòng không có người nên nảy sinh ý định chiếm đoạt tài sản. Thực hiện ý đồ này, H đến dùng tay gạt bung ổ khóa phòng số 03 vào trong lục lấy trộm tài sản gồm: 65.000 đồng để trong chiếc ba lô, xe mô tô nhãn hiệu Norinco biển số 51R1-1009, giấy chứng nhận đăng ký xe mô tô biển số 51R1-1009, giấy phép lái xe hạng A1, chứng minh nhân dân mang tên Võ Quang T1. Sau đó, H điều khiển xe mô tô này đến nhà ông Phạm Văn C (cha vợ H) ở số C, khóm T, phường M, thành phố L cất giấu. Đến 22 giờ 45 phút cùng ngày, H đến Công an phường M đầu thú.

Vật chứng thu giữ: 01 xe mô tô biển số 51R1-1009, giấy chứng nhận đăng ký xe mô tô biển số 51R1-1009, giấy phép lái xe hạng A1, chứng minh nhân dân mang tên Võ Quang T1.

Ngày 23/6/2018, Cơ quan Cảnh sát điều tra khám nghiệm hiện trường và thu giữ đoạn camera tại nhà trọ D ghi lại hình ảnh H điều khiển xe mô tô 51R1-1009 rời khỏi nhà trọ.

Ngày 25/6/2018, Phạm Thị L (vợ của H) nộp 65.000 đồng để khắc phục hậu quả cho H.

Kết luận định giá số 69/KL.HĐ ngày 24/6/2018 của Hội đồng định giá tài sản trong tố tụng hình sự, xác định: Xe mô tô nhãn hiệu Norinco, biển số 51R1-

1009, trị giá 4.530.000 đồng.

Tại Cáo trạng số 105/CT-VKS ngày 10 tháng 9 năm 2018, Viện kiểm sát nhân dân thành phố Long Xuyên đã truy tố bị cáo Lê Văn Phước H về tội “*Trộm cắp tài sản*” theo quy định tại khoản 1 Điều 173 Bộ luật Hình sự năm 2015.

Tại phiên tòa,

- Bị cáo thừa nhận đã thực hiện hành vi phạm tội như nội dung Cáo trạng truy tố. Bị cáo không có ý kiến tranh luận với lời luận tội của Kiểm sát viên, xin Hội đồng xét xử xử phạt nhẹ.

- Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan đến vụ án ông Phạm Văn C, bà Phạm Thị L cung cấp lời khai như đã khai trong giai đoạn điều tra.

- Kiểm sát viên trình bày lời luận tội: Lời nhận tội của bị cáo tại phiên tòa phù hợp với lời khai của bị cáo trong giai đoạn điều tra, truy tố và các tài liệu, chứng cứ khác có trong hồ sơ vụ án nên có cơ sở xác định hành vi của bị cáo đã đủ yếu tố cấu thành tội “*Trộm cắp tài sản*” được quy định tại khoản 1 Điều 173 Bộ luật Hình sự năm 2015. Vì vậy, Cáo trạng của Viện kiểm sát nhân dân thành phố Long Xuyên truy tố bị cáo là đúng người, đúng tội, đúng pháp luật.

Hành vi của bị cáo không những xâm phạm đến quyền sở hữu của người khác mà còn gây hoang mang, lo sợ trong quần chúng xung quanh, gây mất trật tự trị an tại địa phương. Cho nên, đề nghị xử phạt nghiêm đối với hành vi phạm tội của bị cáo.

Tuy nhiên, trong quá trình điều tra cũng như tại phiên tòa, bị cáo đã tác động người thân bồi thường thiệt hại; phạm tội lần đầu và thuộc trường hợp ít nghiêm trọng; thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải; đầu thú nên đề nghị xem xét giảm nhẹ cho bị cáo khi lượng hình.

Đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng khoản 1 Điều 173, các điểm b, i, s khoản 1, khoản 2 Điều 51 Bộ luật Hình sự xử phạt bị cáo từ 06 tháng đến 09 tháng tù.

Về biện pháp tư pháp, đề nghị áp dụng Điều 47 Bộ luật Hình sự, Điều 106 Bộ luật Tố tụng hình sự, tịch thu, tiêu hủy xe mô tô biển số 51R1-1009 cùng giấy đăng ký xe mô tô do xe mô tô có số khung bị cắt hàn, không đảm bảo điều kiện lưu thông; trả lại ổ khóa bị thu giữ cho ông T1.

Về trách nhiệm dân sự, sau khi nhận lại số tiền 65.000 đồng, ông T2 không yêu cầu bồi thường nên đề nghị không đề cập giải quyết.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Về hành vi, quyết định của cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng, trong quá trình điều tra, truy tố, xét xử, các quyết định, hành vi tố tụng của Cơ quan điều tra Công an thành phố Long Xuyên, Điều tra viên, Viện kiểm sát nhân

dân thành phố Long Xuyên, Kiểm sát viên được thực hiện đúng thẩm quyền, trình tự, thủ tục được pháp luật tố tụng hình sự quy định. Trong quá trình điều tra và tại phiên tòa, bị cáo, những người tham gia tố tụng khác không có ý kiến hoặc khiếu nại về hành vi, quyết định tố tụng của cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng. Do đó, các quyết định, hành vi tố tụng do Cơ quan điều tra, Điều tra viên, Viện kiểm sát, Kiểm sát viên thực hiện đúng quy định của pháp luật.

[2] Về hành vi bị truy tố của bị cáo, bị cáo Lê Văn Phước H khai nhận, khoảng 08 giờ ngày 23/6/2018, bị cáo nhìn qua cửa sổ phòng số 03 thấy trong phòng không có người nên nảy sinh ý định chiếm đoạt tài sản. Bị cáo dùng tay gạt ổ khóa phòng, vào bên trong lấy 65.000 đồng để trong chiếc ba lô, xe mô tô biển số 51R1-1009, 01 giấy chứng nhận đăng ký xe mô tô biển số 51R1-1009, 01 giấy phép lái xe hạng A1, 01 chứng minh nhân dân. Bị cáo để các giấy tờ vào cốp xe mô tô rồi điều khiển đến nhà ông Phạm Văn C (cha vợ của bị cáo) cất giấu. Bị cáo tiêu xài hết số tiền 65.000 đồng. Đến tối cùng ngày, bị cáo đến Công an phường M đầu thú.

Lời khai của bị cáo tại phiên tòa phù hợp với lời khai của bị cáo ở giai đoạn điều tra, truy tố và phù hợp với các tài liệu, chứng cứ khác gồm: biên bản về việc trích xuất thiết bị camera ngày 23/6/2018 do Công an phường M, thành phố L lập; biên bản khám nghiệm hiện trường ngày 24/6/2018 cùng sơ đồ hiện trường, bản ảnh hiện trường kèm theo do Công an thành phố Long Xuyên lập; biên bản về việc thu hồi tang vật ngày 23/6/2018 do Công an phường M, thành phố L lập; lời khai của ông Võ Quang T1, ông Trần T2 về việc ông T1 bị mất xe mô tô biển số 51R1-1009, 01 giấy chứng nhận đăng ký xe mô tô biển số 51R1-1009, 01 giấy phép lái xe hạng A1, 01 chứng minh nhân dân mang do ông T1 đứng tên; ông T2 mất số tiền 65.000 đồng khi ông T1, ông T2 để các tài sản này trong phòng số 03 nhà trọ D; lời khai của ông Phạm Văn C, bà Phạm Thị L về việc biết bị cáo điều khiển xe mô tô biển số 51R1-1009 đến nhà ông C dựng ở đó. Khi biết xe mô tô này là tài sản bị mất trộm ở nhà trọ Diệu Hiền, ông Cọp, bà L đã trình báo, giao xe cho Công an. Đồng thời, bà L bỏ ra số tiền 65.000 đồng bồi thường cho ông T khi bị cáo tác động; lời khai của bà Trần Thị Diễm T (chủ nhà trọ D), bà Võ Thị D (cô ruột ông T1) về việc biết ông T1, ông T2 bị mất tài sản để trong phòng số 03 nhà trọ D. Bà D đã giao nộp 01 ổ khóa của phòng trọ số 03 cho Công an.

Ngoài ra, lời khai của bị cáo còn phù hợp với vật chứng bị thu giữ là 01 xe mô tô biển số 51R1-1009, giấy chứng nhận đăng ký xe mô tô biển số 51R1-1009, giấy phép lái xe hạng A1, chứng minh nhân dân mang tên Võ Quang T1.

Người đứng tên trên giấy đăng ký mô tô, xe máy đối với xe mô tô biển số 67H8-1330 là bà Nguyễn Thị Ngọc T. Theo biên bản xác minh ngày 19/8/2018 do Cơ quan điều tra Công an thành phố Long Xuyên lập, đại diện Công an Phường A, quận T, thành phố Hồ Chí Minh cung cấp, ngày 13/5/2016, bà T đã xóa hộ khẩu với lý do xuất cảnh đến Singapore định cư. Mặc dù, không ghi được lời khai của bà T nhưng qua lời khai của ông T1, người đại diện hợp pháp của Công ty trách nhiệm hữu hạn D thì ông T1 trực tiếp mua xe mô tô này từ Công ty trách

nhiệm hữu hạn D. Cho nên, có cơ sở xác định ông T1 là người chiếm hữu, sử dụng xe mô tô bị chiếm đoạt.

Từ các chứng cứ trên, có cơ sở xác định, khi phát hiện chủ sở hữu, người chiếm hữu, sử dụng tài sản sơ hở trong việc bảo quản tài sản, bị cáo đã lén lút chiếm đoạt tài sản của ông T2, tài sản do ông T1 quản lý.

Theo Kết luận định giá số 69/KL.HĐ ngày 24/6/2018 của Hội đồng định giá tài sản trong tố tụng hình sự thành phố L, xe mô tô nhãn hiệu Norinco, biển số 51R1-1009, trị giá 4.530.000 đồng.

Bị cáo là người có đầy đủ năng lực chịu trách nhiệm hình sự, nhận thức rõ hành vi chiếm đoạt tài sản của ông T1, ông T2 là xâm phạm quyền sở hữu của người khác nhưng bị cáo vẫn cố ý thực hiện thông qua việc lợi dụng tài sản không có người trông coi, nhanh chóng mang tài sản đi nơi khác và sự thừa nhận của bị cáo tại phiên tòa.

Vì vậy, hành vi của bị cáo đã đủ yếu tố cấu thành tội “Trộm cắp tài sản” theo quy định tại khoản 1 Điều 173 Bộ luật Hình sự năm 2015, đã được sửa đổi, bổ sung năm 2017.

Cho nên, Cáo trạng của Viện kiểm sát nhân dân thành phố Long Xuyên truy tố bị cáo ra trước phiên tòa hôm nay và lời buộc tội của đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Long Xuyên tại phiên tòa là có căn cứ, đúng người, đúng tội và phù hợp với quy định của pháp luật.

[3] Về tính chất, mức độ hành vi phạm tội, quyền sở hữu là một trong những quyền thiêng liêng gắn với mỗi cá nhân, được pháp luật ghi nhận và bảo vệ. Những ai xâm phạm đến quyền sở hữu của người khác, đáp ứng quy định của pháp luật hình sự sẽ bị áp dụng chế tài nghiêm khắc nhất là hình phạt.

Bị cáo đang ở tuổi lao động, đáng lẽ, phải cố gắng lao động để tạo thu nhập chính đáng nuôi sống bản thân, gia đình nhưng vì hám lợi, bị cáo đã chiếm đoạt tài sản của người khác. Hành vi của bị cáo là nguy hiểm cho xã hội, không những xâm phạm đến quyền sở hữu của ông T1, ông T2 mà còn gây mất trật tự trị an tại địa phương. Do đó, cần có hình phạt tương xứng với hành vi phạm tội của bị cáo để đảm bảo mục đích răn đe, giáo dục và phòng ngừa chung.

[4] Về tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự và nhân thân, trong quá trình điều tra cũng như tại phiên tòa hôm nay, bị cáo đã thành khẩn khai báo; phạm tội lần đầu thuộc và trường hợp ít nghiêm trọng; tác động người thân bồi thường thiệt hại; đầu thú. Đây là các tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự được quy định tại các điểm b, i, s khoản 1, khoản 2 Điều 51 Bộ luật Hình sự. Bên cạnh đó, bị cáo chưa có tiền án, tiền sự. Vì vậy, cần xem xét giảm nhẹ cho bị cáo khi lượng hình.

[5] Về hình phạt bổ sung, do bị cáo có hoàn cảnh khó khăn nên không áp dụng đối với bị cáo.

[6] Về trách nhiệm của người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan đến vụ án, xe mô tô biển số 51R1-1009 được bị cáo dựng tại nơi ở của ông Phạm Văn C. Tuy

nhiên, ông C không nhận giữ xe mô tô giúp bị cáo và không biết xe mô tô do phạm tội mà có. Cho nên, trách nhiệm hình sự không đặt ra đối với ông C là phù hợp quy định của pháp luật.

[7] Về xử lý vật chứng, đối với xe mô tô biển số 51R1-1009, trong giai đoạn điều tra, ông T1 yêu cầu nhận lại xe mô tô biển số 51R1-1009. Tuy nhiên, xe mô tô biển số 51R1-1009 có số khung bị cắt hàn không đảm bảo điều kiện lưu hành. Vì vậy, Hội đồng xét xử không chấp nhận yêu cầu của ông T1 mà tịch thu, tiêu hủy xe mô tô biển số 51R1-1009 cùng giấy chứng nhận đăng ký xe mô tô biển số 51R1-1009 theo điểm c khoản 1 Điều 47 Bộ luật Hình sự, điểm a khoản 2 Điều 106 Bộ luật Tố tụng hình sự.

Đối với 01 ổ khóa, đây là vật có giá trị chứng minh tội phạm, người phạm tội, thuộc sở hữu của ông T1. Cho nên, giao trả cho ông T1 01 ổ khóa bị thu giữ theo điểm b khoản 3 Điều 106 Bộ luật Tố tụng hình sự.

Đối với giấy phép lái xe hạng A1, chứng minh nhân dân mang tên Võ Quang T1, đây là các giấy tờ tùy thân của ông T1. Việc Cơ quan điều tra giao trả cho ông T1 các giấy tờ này là phù hợp với quy định pháp luật. Cho nên, Hội đồng xét xử không đề cập xử lý.

[8] Về trách nhiệm dân sự, sau khi nhận số tiền bồi thường 65.000 đồng, ông T2 không yêu cầu bị cáo bồi thường thêm nên không đề cập giải quyết.

Bà L không yêu cầu bị cáo hoàn lại số tiền 65.000 đồng mà bà L bỏ ra bồi thường cho ông T2 nên Hội đồng xét xử không đề cập giải quyết.

[9] Về án phí và quyền kháng cáo, bị cáo phải chịu 200.000 (hai trăm nghìn) đồng án phí hình sự sơ thẩm. Bị cáo, bị hại, người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan đến vụ án có quyền kháng cáo theo quy định pháp luật tố tụng hình sự.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

1. Căn cứ vào khoản 1 Điều 173, các điểm b, i, s khoản 1, khoản 2 Điều 51, Điều 38 Bộ luật Hình sự năm 2015, đã được sửa đổi, bổ sung năm 2017;

Tuyên bố bị cáo Lê Văn Phước H (E) phạm tội “*Trộm cắp tài sản*”;

Xử phạt: Lê Văn Phước H: 06 (sáu) tháng tù.

Thời hạn chấp hành hình phạt tù của bị cáo được tính kể từ ngày bị tạm giữ, ngày 24/6/2018 (*ngày hai mươi bốn, tháng sáu, năm hai nghìn không trăm mười tám*).

2. Về xử lý vật chứng và biện pháp tư pháp: Căn cứ điểm c khoản 1 Điều 47 Bộ luật Hình sự năm 2015, đã được sửa đổi, bổ sung năm 2017, điểm a khoản 2, điểm b khoản 3 Điều 106 Bộ luật Tố tụng hình sự năm 2015;

- Tịch thu, tiêu hủy:

+ 01 (một) xe mô tô biển số 51R1-1009, nhãn hiệu Norinco cùng chìa khóa xe, số máy 52FMH34B-501042, số khung BCH034EX-031321, đã qua sử dụng;

+ 01 (một) giấy chứng nhận đăng ký xe biển số 51R1-1009.

- Giao trả cho ông Võ Quang T1 01 (một) ổ khóa màu trắng, có chữ Souabe Circle, đã qua sử dụng.

(Theo biên bản giao, nhận vật chứng ngày 26/9/2018 giữa Cơ quan Cảnh sát Điều tra Công an thành phố Long Xuyên với Chi cục Thi hành án dân sự thành phố L).

3. Về án phí: Căn cứ vào khoản 2 Điều 136 Bộ luật Tố tụng hình sự năm 2015; điểm a khoản 1 Điều 23 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;

Buộc bị cáo Lê Văn Phước H phải chịu 200.000 (hai trăm nghìn) đồng án phí hình sự sơ thẩm.

4. Về quyền kháng cáo: Căn cứ vào Điều 333 Bộ luật Tố tụng hình sự năm 2015;

Trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án, bị cáo, ông Phạm Văn C, bà Phạm Thị L có quyền kháng cáo để yêu cầu Tòa án nhân dân tỉnh An Giang xét xử phúc thẩm.

Riêng thời hạn kháng cáo của ông Võ Quang T1, ông Trần T2, Công ty trách nhiệm hữu hạn D, bà Nguyễn Thị Ngọc T, bà Võ Thị D là 15 ngày kể từ ngày bản án được giao hoặc được niêm yết theo quy định pháp luật.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- VKSND TP. Long Xuyên;
- VKSND tỉnh An Giang;
- TAND tỉnh An Giang;
- Sở Tư pháp;
- Nhà Tạm giữ Công an TP. L;
- CQTHAHS Công an TP. L;
- CQĐT Công an TP. Long Xuyên;
- Chi cục THADS TP. L;
- Bộ phận THA Tòa án;
- UBND cấp xã nơi BC cư trú;
- Bị cáo;
- Bị hại;
- Người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan đến vụ án;

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Thái Chí Bình

- Lưu hồ sơ;
- Lưu văn phòng.